

Bản án số: 06/2024/KDTM - ST

Ngày: 29/3/2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng thi công”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 – TP. HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Thủy Tiên

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Thị Lan
- Bà Cao Thị Tuyết Mai

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mỹ Chi - Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 4.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 03 năm 2024 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 4, Tp. xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 29/2023/TLST- KDTM, ngày 10 tháng 10 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng thi công” theo Quyết định hoãn phiên tòa số 115a/2024/QĐST- KDTM và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115b/2024/QĐXX – ST ngày 01/3/2024 giữa:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần Đ

Trụ sở: 19 Đ, Quận P, Tp.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Hà P – Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Bị đơn: Công ty cổ phần Đ1

Trụ sở: Tầng F, cao ốc H2, A H, Phường H, Quận D, Tp.

Người đại diện theo pháp luật: ông Đào Đức N – chủ tịch Hội đồng quản trị

Tạm trú: phòng 3021 Tòa nhà R Vinhomes O, thị trấn T, huyện G, Tp.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 25/5/2023 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, Người đại diện của nguyên đơn ông Hà P trình bày:

Công Ty cổ phần Đ (Công Ty Đ) là bên nhận thầu và Công Ty cổ phần Đ1 (Công Ty Đ1) là bên giao thầu có ký các hợp đồng thi công như sau:

- Ngày 22/03/2018, Công Ty Đ và Công Ty Đ1 ký hợp đồng thi công số BVNA/G02.1/TP/09 với các nội dung: Thi công phần công việc “Láng nền, ốp lát gạch” thuộc gói thầu thi công 02.1 “Thi công hoàn thiện kiến trúc” thuộc công trình Bệnh Viện H – Giai đoạn 2, tại Km số V, Đại lộ L, Xã N, Tp V, Tỉnh Nghệ An. Giá trị hợp đồng cho toàn bộ phần việc được giao thầu là 9.986.093.000 đồng (bao gồm VAT), giá trị hợp đồng này là cố định và không thay đổi trong quá trình thực hiện hợp đồng. Các phần việc phát sinh không có trong hợp đồng sẽ được hai bên thỏa thuận và ký kết phụ lục của hợp đồng. Công ty Đ chỉ thi công, phần nhân công, vật liệu do

**Công Ty Đ1** cung cấp, việc nghiệm thu công trình thực hiện theo qui định tại Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015 của Chính Phủ được cụ thể hóa tại Điều 3 của hợp đồng.

1.1. Ngày 11/05/2018 **Công ty Đ** và **Công Ty Đ1** ký phụ lục hợp đồng SỐ PL01-BVNA/G02.1/TP/09 của hợp đồng BVNA/G2.1/TP/09 với các nội dung: Điều chỉnh điều khoản tạm ứng, thanh toán (điều 3 khoản 3.1 và 3.2 của hợp đồng đã ký).

1.2. Ngày 03/08/2018 **Công ty Đ** và **Công Ty Đ1** ký phụ lục hợp đồng số PL02-BVNA/G02.1/TP/09 của hợp đồng BVNA/G2.1/TP/09 với giá trị là: 182.820.000 đồng.

1.3. Ngày 06/11/2018 **Công ty Đ** và **Công Ty Đ1** ký phụ lục hợp đồng số PL03-BVNA/G02.1/TP/09 của hợp đồng BVNA/G2.1/TP/09 với giá trị là: 360.228.000 đồng. **Công ty Đ** đã thực hiện hợp đồng BVNA/G02.1/TP/09 và các phụ lục PL01-BVNA/02.1/TP/09, PL02-BVNA/G02.1/TP/09, PL03-BVNA/G02.1/TP/09 với tổng giá trị thực hiện là: 8.524.476.435 đồng (đã xuất hóa đơn: 8.524.476.435).

1.4. Ngày 13/01/2020 **Công ty Đ** và **Công Ty Đ1** đã tiến hành lập biên Bản đối chiếu công nợ xác nhận số dư công nợ của hợp đồng BVNA/G2.1/TP/09 và các phụ lục PL01-BVNA/G02.1/TP/09, PL02-BVNA/G02.1/TP/09, PL03-BVNA/02.1/TP/09 với các giá trị như sau: Giá trị hợp đồng: 9.986.093.000 đồng; Giá trị thi công thực tế: 8.524.476.435 đồng; Giá trị bên A đã thanh toán cho bên B: 7.067.870.000 đồng; Giá trị bên B đã xuất hóa đơn: 8.524.476.435 đồng; Giá trị quyết toán còn lại Bên B chưa xuất hóa đơn: 0 đồng. Như vậy: Giá trị còn lại theo hợp đồng BVNA/G02.1/TP/09 mà **Công Ty Đ1** chưa thanh toán cho **Công ty Đ** là: 1.456.606.435 đồng.

2. Ngày 28/08/2018 **Công Ty Đ** và **Công Ty Đ1** ký hợp đồng thi công số BVNA/G04/TP/14 với các nội dung: Phạm vi làm việc: Láng nền, ốp lát gạch thuộc phạm vi gói thầu 04 Thi công hệ thống hạ tầng kỹ thuật tại dự án **Bệnh Viện H** – Giai đoạn 2; Giá trị hợp đồng là 158.859.000 đồng (bao gồm VAT). Khối lượng công việc cụ thể được miêu tả chi tiết tại bảng giá trị hợp đồng đính kèm với hợp đồng này. Khối lượng công việc trong hợp đồng này là tạm tính, khối lượng thanh toán sẽ căn cứ vào khối lượng thực tế nghiệm thu tại công trường. **Công Ty Đ1** cung cấp vật liệu thi công.

Ngày 13/01/2020, **Công ty Đ** và **Công Ty Đ1** đã tiến hành lập biên bản thanh lý hợp đồng với nội dung quyết toán và thanh lý: Giá trị hợp đồng 158.859.000 đồng, Giá trị thi công thực tế 141.949.201 đồng, Giá trị bên A đã thanh toán cho bên B: 0 đồng; Giá trị bên B đã xuất hóa đơn 141.949.201 đồng, Giá trị quyết toán còn lại Bên B chưa xuất hóa đơn: 0 đồng. Như vậy giá trị còn lại theo hợp đồng BVNA/G04/TP/14 mà **Công Ty Đ1** chưa thanh toán cho **Công ty Đ** là: 141.949.201 đồng

3. Ngày 13/01/2020 **Công Ty Đ** và **Công Ty Đ1** thống nhất về việc sửa lỗi defect là 147.250.000 (**Công Ty Đ** trả cho **Công Ty Đ1** 147.250.000 đồng). Tổng cộng **Công Ty Đ1** chưa thanh toán cho **Công ty Đ** giá trị hai hợp đồng BVNA/G2.1/TP/09 và BVNA/G04/TP/14 là: 1.456.606.435 đồng + 141.949.201 đồng – 147.250.000 đồng = 1.451.305.636 đồng. (có biên bản đối chiếu công nợ và đã được hai bên xác nhận)

+ Số hợp đồng: BVNA/G2.1/TP/09 ký ngày 22/3/2018, giá trị quyết toán 8.524.476.435 đồng, giá trị đã thanh toán 7.067.870.000 đồng, giá trị còn lại 1.456.606.435 đồng.

+ Số hợp đồng: BVNA/G04/TP/14 ký ngày 18/8/2018, giá trị quyết toán 141.949.201 đồng, giá trị đã thanh toán 0 đồng, giá trị còn lại 141.949.201 đồng.

(có bản đối chiếu công nợ ngày 13 tháng 01 năm 2020 kèm theo) Công việc đã kết thúc thi công ngày 25 tháng 10 năm 2019

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu TAND Quận 4 buộc **Công Ty Đ1** phải thanh toán cho **Công ty Đ** số tiền nợ là: Số tiền nợ gốc cho cả hai hợp đồng

BVNA/G2.1/TP/09 và BVNA/G04/TP/14 là: 1.451.305.636 đồng (một tỷ bốn trăm năm mươi một triệu, ba trăm lẻ năm nghìn, sáu trăm ba mươi sáu đồng). Số tiền lãi tạm tính từ ngày 13/01/2020 đến ngày 03/11/2023 là: 852.642.061 đồng (T tám trăm mười hai triệu, sáu trăm bốn mươi hai ngàn, không trăm sáu mươi một đồng). Tổng cộng nợ gốc và nợ lãi đến tháng 11/2023 là 1.451.305.636 đồng + 852.642.061 đồng = 2.303.947.697 đồng (Hai tỷ, ba trăm lẻ ba triệu, chín trăm bốn mươi bảy ngàn, sáu trăm chín mươi bảy đồng).

Bị đơn Công ty cổ phần Đ1: Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ cho Công ty và tổng đạt trực tiếp cho người đại diện theo pháp luật nhưng phía Công ty và người đại diện theo pháp luật không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại Phòng đăng ký kinh doanh Sở K; Công an P1, Quận D, Tp. và Công an thị trấn T, huyện G, Hà Nội.

Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn ông Hà P có mặt, Bị đơn Công ty cổ phần Đ1 và người đại diện theo pháp luật vắng mặt lần thứ 2 không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, không có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án như sau: Việc tòa án thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán thụ lý và giải quyết vụ án đúng các quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn Công ty cổ phần Đ khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty cổ phần Đ1 phải trả số tiền nợ còn thiếu phát sinh từ Hợp đồng thi công số BVNA/G02.1/TP/09 ngày 22/3/2018, các phụ lục kèm theo và Hợp đồng BVNA/G04/TP/14 ký ngày 18/8/2018, giữa hai đương sự có tư cách pháp nhân và có mục đích lợi nhuận nên xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại về “*Tranh chấp hợp đồng thi công*”. Bị đơn có trụ sở tại Quận D, Tp. nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 4 theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án Tòa án nhân dân Quận 4 đã tiến hành tổng đạt đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn và người đại diện theo pháp luật nhưng bị đơn không đến, không có đơn yêu cầu phản tố và vắng mặt không có lý do tại phiên tòa đến lần thứ 2, không có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

### [2]. Về nội dung:

[2.1] Đối với số tiền nợ gốc: Căn cứ các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn xuất trình như: Hợp đồng thi công số BVNA/G02.1/TP/09 ngày 22/3/2018; Phụ lục hợp đồng số PL01-BVNA/G02.1/TP/09 ngày 11/5/2018; Phụ lục hợp đồng số PLG02-BVNA/G02.1/TP/09 ngày 03/8/2018; Phụ lục hợp đồng số PL03-BVNA/G02.1/TP/09 ngày 06/11/2018; Hợp đồng số BVNA/G04/TP/14 ngày 28/8/2018; Biên bản đối chiếu

công nợ ngày 13/01/2020 có cơ sở xác định giữa nguyên đơn Công ty Đ và bị đơn Công Ty Đ1 có xác lập quan hệ thi công công trình cụ thể là thi công phần công việc “Láng nền, ốp lát gạch” thuộc gói thầu thi công 02.1 “Thi công hoàn thiện kiến trúc” thuộc công trình Bệnh Viện H – Giai đoạn 2 và gói thầu 04 Thi công hệ thống hạ tầng kỹ thuật tại dự án Bệnh Viện H – Giai đoạn 2. Căn cứ Biên bản đối chiếu công nợ ngày 13/01/2020 đến nay bị đơn Công ty Đ1 còn nợ Công ty Đ số tiền nợ gốc 1.451.305.636 đồng, nguyên đơn yêu cầu Công ty B phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ trên ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Căn cứ các Điều 140; Điều 144; Điều 145 Luật xây dựng năm 2014 yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên HĐXX chấp nhận.

[2.2] Về tiền lãi: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ lãi chậm trả tạm tính từ ngày đối chiếu công nợ tháng 01/2020 đến tháng 3/2024 trên số tiền nợ gốc theo mức lãi suất 13%/năm  $1.451.305.636 \text{ đồng} \times 51 \text{ tháng} = 801.846.364 \text{ đồng}$ . Căn cứ Điều 306 Luật thương mại, Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ - HĐTP được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì: Trường hợp Hợp đồng thuộc phạm vi điều chỉnh tại Điều 306 Luật thương mại năm 2005 thì khi xác định lãi suất chậm trả đối với số tiền chậm trả, Tòa án căn cứ vào mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của ba ngân hàng có trụ sở trên địa bàn nơi tòa án đang giải quyết tại thời điểm xét xử sơ thẩm để quyết định mức lãi suất chậm trả. Theo xác minh vào tháng 03/2024 thì lãi suất quá hạn trung bình của 02 Ngân hàng trên địa bàn Quận D là 13.5%/năm. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn - Công ty Đ1 phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền lãi là 801.846.364 đồng.

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì Công ty cổ phần Đ1 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 77.063.040 đồng (bảy mươi bảy triệu không trăm sáu mươi ba nghìn không trăm bốn mươi đồng)

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 203, Điều 220, Điều 227 và khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự;*

*Căn cứ Điều 140; Điều 144 và Điều 145 Luật xây dựng năm 2014;*

*Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2006;*

*Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;*

*Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ - HĐTP được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 11/01/2019;*

*Căn cứ Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014;*

*Tuyên xử:*

#### **1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:**

Buộc Công ty cổ phần Đ1 phải thanh toán cho Công ty cổ phần Đ số tiền nợ gốc và lãi tạm tính ngày 29/3/2024 tổng số tiền là 2.253.152.000 đồng . Nợ gốc 1.451.305.636 đồng và nợ lãi chậm trả là 801.846.364 đồng. Theo Hợp đồng thi công số BVNA/G02.1/TP/09 ngày 22/3/2018; Phụ lục hợp đồng số PL01-BVNA/G02.1/TP/09 ngày 11/5/2018; Phụ lục hợp đồng số PL02-BVNA/G02.1/TP/09 ngày 03/8/2018; Phụ lục hợp đồng số PL03-BVNA/G02.1/TP/09 ngày 06/11/2018; Hợp đồng số BVNA/G04/TP/14 ngày 28/8/2018; Biên bản đối chiếu công nợ ngày 13/01/2020.

Thi hành khi bản án có hiệu lực pháp luật tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

## 2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty cổ phần Đ1 phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 77.063.040 đồng (bảy mươi bảy triệu không trăm sáu mươi ba nghìn không trăm bốn mươi đồng)

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 34.573.000 đồng (ba mươi bốn triệu năm trăm bảy mươi ba nghìn đồng) mà Công ty cổ phần Đ đã nộp theo biên lai thu số 0017967 ngày 19/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 4.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày. Đối với đương sự có mặt thời hạn kháng cáo tính từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự. Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

### Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP. HCM;
- VKSND Quận 4;
- Chi cục THADS Quận 4;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Hồ Thị Thủy Tiên**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHẤN - CHỦ TỌA PHẤN TỒ**

*Nơi nhận:*

- Các đương sự;
- TAND TP. HCM;
- VKSND Quận 4;
- Chi cục THADS Quận 4;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Huỳnh Tấn Phát**





